TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.B TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn Hai

Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ Xuân H, sinh năm 1994 tại Th; tên gọi khác: Không có. Nơi cư trú: Tổ 23, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Tổ 23, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; *nghề nghiệp:* Làm mộc*; trình độ văn hóa (học vấn)*: Lớp 6/12; *dân tộc*: Kinh; giới tính: Nam; *tôn giáo*: Không; *quốc tịch*: Việt Nam; con ông Vũ Xuân Ph, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ơ, sinh năm 1973; có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2012, gia đình có 02 anh em bị cáo con đầu. Tiền án: Ngày 24/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2015 đến ngày 03/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 05/01/2018, theo lệnh bắt số 03 ngày 28/12/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ B (có mặt).

Bị hại: Chị Trịnh Thúy C, sinh năm 1990 (có mặt).

Trú tại: khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vũ Xuân H có mối quan hệ quen biết với chị Trịnh Thúy C. H thường xuyên đến nhà chị C chơi nên biết xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67 của chị C thường để ở sân trước nhà vào ban đêm. Vào khoảng giữa tháng 11/2017, H nhặt được chìa khóa cổng nhà chị C nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Ngày 26/11/2017, lợi dụng sơ hở của chị C, H đã lấy trộm chìa khóa xe mô tô trên của chị C để ở bàn tại phòng bếp, rồi cất giấu trong người đem về nhà. Khoảng 03 giờ 00 ngày 29/11/2017, H đi bộ một mình đến nhà chị C, dùng chìa khóa mở cổng vào trong sân nhà, mở khóa xe chị C dắt ra ngoài, nổ máy chạy lên nhà bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1979, ngụ tại Trần Khắc Chân, phường T, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh ngủ đến khoảng 13h00 cùng ngày, H điều khiển xe mô tô trên đến Quận T1, thành phố Hồ Chí Minh, bán cho một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) được 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). H trả nợ cho một người tên Hùng (không rõ họ, địa chỉ) hết 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), số tiền còn lại H giữ trong người. Sau khi sự việc xảy ra, chị C đã đến Công an phường H trình báo, qua kiểm tra hệ thống camera an ninh của Công an phường đã ghi được hình ảnh H đột nhập vào nhà trộm cắp xe mô tô biển số 60F2-514.67 của chị C nên khoảng 17 giờ 00 ngày 29/11/2017, Công an phường mời H về làm việc, thu giữ số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Người bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 257/TCKH-HĐĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: "01 xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67, trị giá 40.194.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)". Trong quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại kết luận định giá nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến kết luận định giá.

Vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67 của chị C do H đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

- Số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là tiền do Vũ Xuân H bán xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67 của chị Chi còn lại.

- 01 USB bên trong có chứa video ghi lại hình ảnh H trộm cắp xe của chị C.

- 01 điện thoại Nokia 106 số imei 353667067010941 kèm số thuê bao 0937993294 là tài sản cá nhân của Vũ Xuân H không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho H.

Về dân sự tại cơ quan điều tra chị Trịnh Thúy C yêu cầu Vũ Xuân H bồi thường giá trị xe bị mất theo giá của hội đồng định giá. Hiện Hoàng chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 86/CT-VKSBH ngày 02/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Vũ Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt Vũ Xuân H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc Vũ Xuân H bồi thường cho chị Trịnh Thúy C giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo biết mình sai, xin lỗi người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về khắc phục hậu quả mình gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Xuân H thừa nhận khoảng 03 giờ ngày 29/11/2017, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2- 514.67, trị giá 40.194.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) của chị Trịnh Thúy C thì bị phát hiện bắt giữ. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa với lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập được thì hành vi của bị cáo có căn cứ để kết luận phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 24/11/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 03/9/2015 đến ngày 03/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Căn cứ Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì bị cáo chưa được xóa án tích. Căn cứ Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm, do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo khai gia đình khó khăn không có thu nhập ổn định là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo đi làm mộc thuê không có thu nhập ổn định. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67 của chị C do H đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

- Số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là tiền do Vũ Xuân H bán xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67 của chị C còn lại. Cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 USB bên trong có chứa video ghi lại hình ảnh H trộm cắp xe của chị C. (lưu giữ theo hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại Nokia 106 số imei 353667067010941 kèm số thuê bao 0937993294 là tài sản cá nhân của Vũ Xuân H không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho H là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa chị Trịnh Thúy C yêu cầu Vũ Xuân H bồi thường giá trị xe theo giá của hội đồng định giá. Tại bản kết luận định giá tài sản số 257/TCKH-HĐĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: "01 xe mô tô hiệu Honda SH 125, biển số 60F2-514.67, trị giá 40.194.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)". Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo Vũ

Xuân H bồi thường cho chị Trịnh Thúy C số tiền 40.194.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.009.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Xuân H** phạm tội **"Trộm cắp tài sản".**

Áp dụng theo khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân H **01(Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/01/2018.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Vũ Xuân H bồi thường cho chị Trịnh Thúy C số tiền 40.194.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) để đảm bảo thi hành án. Theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 02/3/2018 và Biên lai thu tiền số 09665 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.009.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND Tp.B(1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai(1)
- Thi hành án (05);
- Công an Tp.B (1);
- Bị cáo, đương sự (2);
-Lưu VP-HS (4).

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA